TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CUM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày: 25/5/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mạnh; 2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 04/5/20201 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266-268 N, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V– Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh C– Chức vụ: Phó phòng phụ trách Phòng giao dịch Nguyễn Tất Thành (Có mặt) (Theo giấy ủy quyền số 32/2021/GUQ-CNDL ngày 24 tháng 5 năm 2021).

Địa chỉ: 242C-242D N, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị Hoa P. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh Ctrình bày:

Vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P(gọi tắt là vợ chồng ông Cường) có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là ngân hàng) tại chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch N để vay vốn về sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng thứ nhất: Ngày 27/08/2018, vợ chồng ông C ký hợp đồng tín dụng số LD1822900055 để vay số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, hạn trả nợ vào ngày 28/8/2019.

- Hợp đồng thứ hai: Ngày 22/01/2019, vợ chồng ông C ký hợp đồng tín dụng số LD1902100133 để vay số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, hạn trả nợ vào ngày 23/01/2020.

Từ khi thực hiện hai hợp đồng trên, vợ chồng ông C chưa trả được khoản nợ gốc và lãi suất nào cho ngân hàng. Từ ngày 29/8/2019, vợ chồng ông C đã quá hạn khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD1822900055 và từ ngày 24/01/2020 thì vợ chồng ông C đã quá hạn khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD1902100133.

Khi ký kết các hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông C có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp số 39/2018/TC/NTT ngày 18/01/2018 thế chấp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 77, diện tích 4.500 m^2 tại xã Q, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 908397 do UBND huyện CưM’gar cấp ngày 14/7/2012 cho vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P; Và hợp đồng thế chấp số 417/2017/TC/NTT ngày 28/8/2017 thế chấp thửa đất số 53, tờ bản đồ số 125, diện tích 208,4 m^2 tại xã Ea M’droh, huyện Cư M’gar theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 003129 do UBND huyện CưM’gar cấp ngày 22/8/2017 cho vợ chồng ôngTrần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P.

Hiện nay, vợ chồng ông C đã đi khỏi địa phương, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 604.781.165 đồng. Trong đó, nợ gốc là 440.000.000 đồng, nợ lãi là 164.781.165 đồng tạm tính đến ngày 24/5/2021. Vợ chồng ông C tiếp tục trả nợ lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp vợ chồng ông C không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình làm việc và xác minh tại địa phương thì vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2019, hiện địa phương không rõ ông C, bà P ở đâu. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nên Tòa án không thể lấy ý kiến của ông C, bà P về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng**:** Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463; 464; 466; 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P trả toàn bộ số nợ gốc 440.000.000 đồng và lãi suất cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trường hợp vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền đã vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị Hoa P nhưng ông C và bà P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số LD1822900055 ngày 27/8/2018 để vay số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, hạn trả nợ vào ngày 28/8/2019 và hợp đồng tín dụng số LD1902100133 ngày 22/01/2019 để vay số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm, hạn trả nợ vào ngày 23/01/2020. Từ ngày vay đến khi hết kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P chưa trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P và thông báo yêu cầu trả nợ. Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, việc vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay theo quy định tại khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P trả nợ toàn bộ số nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: Số nợ gốc là 440.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 24/5/2021 là 164.781.165 đồng; tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng LD1822900055 ngày 27/8/2018 và hợp đồng tín dụng số LD1902100133 ngày 22/01/2019 kể từ ngày 25/5/2021 cho đến khi vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay trên, vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P ký kết Hợp đồng thế chấp số 39/2018/TC/NTT ngày 18/01/2018 thế chấp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 77, diện tích 4.500 m^2 tại xã Q, huyện Ctheo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 908397 do UBND huyện CưM’gar cấp ngày 14/7/2012 cho vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P; Và hợp đồng thế chấp số 417/2017/TC/NTT ngày 28/8/2017 thế chấp thửa đất số 53, tờ bản đồ số 125, diện tích 208,4 m^2 tại xã Ea M’droh, huyện Cư M’gar theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 003129 do UBND huyện CưM’gar cấp ngày 22/8/2017 cho vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P. Hiện nay cả 02 tài sản trên đã bỏ hoang, không ai quản lý, sử dụng.

Do đó, sau khi ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị Hoa P trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị Hoa P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 908397 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 14/7/2012 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 003129 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 22/8/2017 cho vợ chồng ông Trần Minh Cường, bà Nguyễn Thị Hoa Phượng.

Trong trường hợp vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 39/2018/TC/NTT ngày 18/01/2018 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 77, diện tích 4.500 m^2 tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Hợp đồng thế chấp số 417/2017/TC/NTT ngày 28/8/2017 đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 125, diện tích 208,4 m^2 tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ. Sau khi phát mãi tài sản không đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu 1.600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ vợ chồng ôngTrần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Minh C và bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể:

Án phí = 20.000.000đ + (604.781.165đ - 400.000.000đ) x 4%) = 28.191.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là 604.781.165 đồng. Trong đó: nợ gốc 440.000.000 đồng và nợ lãi là 164.781.165 đồng tính đến ngày 24/5/2021, tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số LD1822900055 ngày 27/8/2018 và hợp đồng tín dụng số LD1902100133 ngày 22/01/2019 từ ngày 24/5/2021 đến khi vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P trả xong nợ.

Khi vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P trả xong nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương có trách nhiệm trả lại cho ông C, bà P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 908397 do UBND huyện CưM’gar cấp ngày 14/7/2012 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 003129 do UBND huyện CưM’gar cấp ngày 22/8/2017.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 39/2018/TC/NTT ngày 18/01/2018 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 77, diện tích 4.500 m^2 tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Hợp đồng thế chấp số 417/2017/TC/NTT ngày 28/8/2017 đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 125, diện tích 208,4 m^2 tọa lạc xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ. Sau khi phát mãi tài sản không đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu 1.600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 1.600.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được vợ chồng ôngTrần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P.

Về án phí: Vợ chồng ông Trần Minh C, bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu 28.191.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần S được

nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.669.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0016398 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM’gar
- THADS huyện CưM’gar
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý